

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - L

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2025/HNGĐ - ST
Ngày 26 - 9 - 2025
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - L

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền Lương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thanh

2. Bà Trần Thị Xuân

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - L tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2025/TLST- HNGĐ ngày 14/7/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/8/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18/9/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thảo Thị P, sinh năm 1993

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn B, xã B, tỉnh L. Có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Ly Seo S, sinh năm 1990

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn B, xã B, tỉnh L. Vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thảo Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ly Seo S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010, đến ngày 01/12/2015 chị và anh S tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B1, huyện B (nay là xã B), tỉnh L. Sau khi về cùng chung sống và kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S hay đi uống rượu nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, nhiều lần mâu thuẫn cãi vã anh S đuổi chị ra khỏi nhà. Chị đã bỏ nhà đi từ ngày 09/7/2025 đến nay chị và anh S không còn liên lạc. Anh chị đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S để đảm bảo cuộc sống riêng của hai người.

Về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống chị P và anh S có hai người con chung là cháu Ly Seo T sinh ngày 02/9/2010 và cháu Ly Tiến L sinh ngày 28/3/2017, hiện các cháu đều khoẻ mạnh bình thường. Nay chị P yêu cầu Toà án giải quyết cho anh S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T và cháu L cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu L số tiền là 800.000đồng/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Chị P và anh S đều là lao động tự do, thu nhập bình quân hàng tháng của mỗi người từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng.

2. Bị đơn anh Ly Seo S trình bày ý kiến: Anh xác nhận việc anh và chị P về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010, đến ngày 01/12/2015 anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B1, huyện B (nay là xã B), tỉnh L. Quá trình vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do năm 2019 anh chị cùng đi làm thuê ở B và H, năm 2021 anh về địa phương nơi cư trú để làm ruộng đến khi xuống thì không xin được việc làm nữa, chị P vẫn làm ở H. Cuối năm 2021 anh chị cùng về nhà và đi làm thuê ở B, L, trong thời gian đó chị P có nảy sinh tình cảm với người khác, vợ chồng mâu thuẫn nên chị P bỏ nhà đi từ ngày 09/7/2025 cho đến nay. Nay chị P khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh, anh không nhất trí ly hôn vì anh cho rằng vẫn còn tình cảm với chị P, còn việc chị P nói anh thường xuyên uống rượu thì anh có thể thay đổi được. Anh S cũng thừa nhận quá trình chung sống, anh và chị P có hai người con chung là cháu Ly Seo T sinh ngày 02/9/2010 và cháu Ly Tiến L sinh ngày 28/3/2017, hiện các cháu đều khoẻ mạnh bình thường, hiện cháu L đang ở cùng anh còn cháu T đã nghỉ học và đi làm thuê ở B, cháu T nói với anh cháu không muốn đi học nữa, muốn đi làm kiếm tiền. Bản thân anh không muốn ly hôn chị P, nhưng nếu phải ly hôn thì anh nhất trí với ý kiến của chị P về con chung, anh cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu L cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu L là 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

3. Tại Biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên là cháu Ly Tiến L trình bày: Nếu bố mẹ cháu ly hôn, không chung sống với nhau nữa thì nguyện vọng của cháu được ở với bố, vì bố của cháu đang là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu, còn mẹ cháu không ở nhà, cháu cũng không biết mẹ đi đâu, làm gì, thỉnh thoảng có về thăm cháu. Đối với cháu Ly Seo T, chị P và anh S đều thừa nhận hiện cháu đi làm thuê ở xa nên Toà án không tiến hành ghi ý kiến của cháu được.

4. Tại Biên bản xác minh ngày 18/8/2025 tại địa phương, xác định được vợ chồng anh chị Ly Seo S và Thào Thị P có mâu thuẫn và hiện không chung sống cùng nhau nữa. Anh chị có hai con chung là cháu Ly Seo T sinh ngày 02/9/2010 và cháu Ly Tiến L sinh ngày 28/3/2017, các cháu khoẻ mạnh bình thường. Anh Ly Seo S có nhà ở và thu nhập ổn định và hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ly Tiến L, cháu Ly Seo T đang đi làm thuê xa. Chi phí thiết yếu để nuôi một đứa trẻ tại địa phương khoảng từ 1.000.000 đồng đến 1.300.000 đồng.

5. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà sơ thẩm:

5.1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; xác minh, thu thập chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định tại các Điều 97, 98, 207 208, 209, 210, 211, 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 48, 49, 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71, 72, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5.2. Về việc giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xét xử theo hướng:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị Thảo Thị P được ly hôn với anh Thảo Seo S.

Về con chung: Giao các cháu Ly Seo T sinh ngày 02/9/2010 và Ly Tiến L sinh ngày 28/3/2017 cho anh Ly Seo S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị P phải cấp dưỡng nuôi con cho cháu L 1.200.000 đồng/ tháng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

5.3. Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Thảo Thị P và anh Ly Seo S đều cư trú tại xã B, tỉnh L. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết, xét xử của Tòa án nhân dân khu vực 9 - L.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục giao các văn bản tố tụng vụ án dân sự hợp lệ cho các bên đương sự. Tại phiên toà nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Thảo Thị P và anh Ly Seo S là hợp pháp. Qua xem xét lời khai của chị P thì anh chị về chung sống với nhau từ năm 2010, đến ngày 01/12/2015 anh chị thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B1, huyện B, tỉnh L (nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh L), sau đó vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất

đồng quan điểm sống, chị P khai anh S thường xuyên uống rượu và nhiều lần đuổi chị ra khỏi nhà, anh Ly Seo S cho rằng do chị P có quan hệ tình cảm với người khác, còn việc anh thường xuyên uống rượu say anh sẽ thay đổi được do vậy anh không muốn ly hôn để vợ chồng quay về đoàn tụ, trường hợp nếu phải ly hôn thì anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Đến thời điểm hiện tại thì anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nữa, anh chị đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai, không còn giữ liên lạc. Nay chị P nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ly Seo S. Tại biên bản xác minh ngày 18/8/2025 tại địa phương xác định được anh chị có mâu thuẫn về mặt tình cảm và hiện không còn chung sống. Xét thấy việc chị P làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Trong thời gian chung sống, chị P và anh S có hai con chung là cháu Ly Seo T sinh ngày 02/9/2010 và cháu Ly Tiến L sinh ngày 28/3/2017. Xét về khả năng và điều kiện kinh tế cũng như căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con thì anh Ly Seo S có khả năng và điều kiện nuôi dưỡng hai con chung tốt hơn chị P. Quá trình xác minh tại địa phương xác định được hiện nay anh S, chị P đều có thu nhập ổn định khoảng từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng và mức chi tiêu thiết yếu để nuôi một đứa trẻ là từ 1.000.000 đồng đến 1.300.000 đồng, anh S có nhà ở và ruộng nương, phù hợp với lời khai của anh chị trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án. Sau khi Tòa án tiến hành hòa giải, tại Biên bản hòa giải ngày 20/8/2025, chị P và anh S đã thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con, cụ thể anh S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T và cháu L cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Mặc dù không lấy được ý kiến của cháu Ly Seo T khi bố mẹ ly hôn do cháu đang đi làm xa, các đương sự đều thừa nhận việc này và cùng quan điểm cho rằng giao hai cháu cho anh Ly Seo S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt tốt nhất cho các con và phù hợp với phong tục tập quán của đồng bào dân tộc Mông tại địa phương. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với lợi ích của con theo quy định tại Điều 15 và khoản 1,2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại khoản 1 Điều 71; khoản 1, 3 Điều 82 và khoản 1,2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Thảo Thị P có ý kiến sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Ly Tiến L là 800.000đ/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, anh Ly Seo S có ý kiến buộc chị P phải cấp dưỡng cho cháu L là 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu 18 tuổi. Xét ý kiến của các đương sự, qua xác minh tại địa phương nơi anh chị sinh sống thì mức chi tiêu thiết yếu để nuôi một đứa trẻ là từ 1.000.000 đồng đến 1.300.000 đồng, do đó mức 800.000đ/tháng mà chị P đề nghị là thấp, không đảm bảo cho nhu cầu thiết yếu nuôi dưỡng một đứa trẻ, mức 2.000.000đ/tháng mà anh S đề nghị là quá cao so với thu nhập của chị P. Do

vậy cần xem xét buộc chị P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Ly Tiến L là 1.200.000đ/tháng là phù hợp, đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung của anh Ly Seo S cũng như đảm bảo được việc chi tiêu cho cuộc sống của chị Thảo Thị P.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Thảo Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình và án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Từ các nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1,2 Điều 81, Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1,5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Thảo Thị P và anh Ly Seo S. Quan hệ hôn nhân của chị Thảo Thị P và anh Ly Seo S được chấm dứt kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao con chung là cháu Ly Seo T sinh ngày 02/9/2010 và cháu Ly Tiến L sinh ngày 28/3/2017 cho anh Ly Seo S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi;

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Thảo Thị P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Ly Tiến L là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại điều 357; điều 468 của bộ Luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Thảo Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Giấy xác nhận đã nộp tiền ngày 14/7/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - L và biên lai số

0000187 của Thi hành án dân sự tỉnh L. Chị Thảo Thị P còn phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND KV9-L;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh L;
- Phòng THADS KV9 - L;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền Lương

